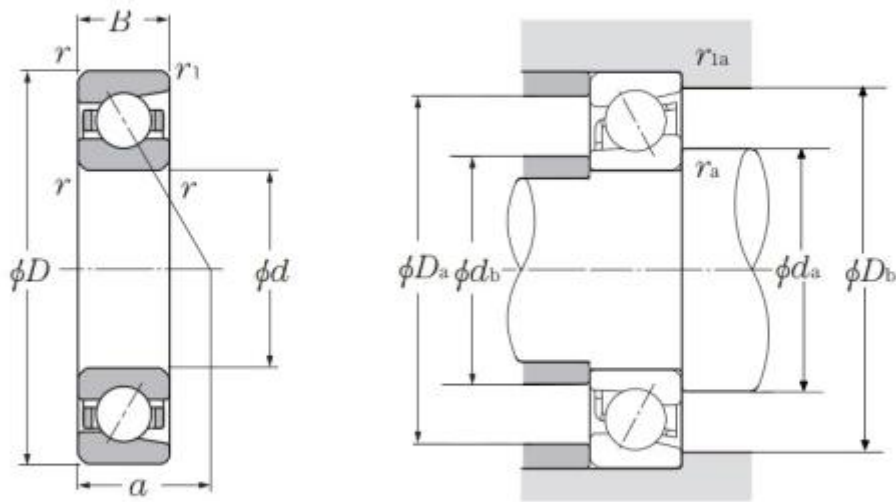


## Vòng bi NTN 7910UCG/GNP42U3G



## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                        |         |
|----------------------------------------|---------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất            | NTN     |
| d - Đường kính lỗ trục                 | 50 mm   |
| D - Đường kính ngoài                   | 72 mm   |
| B - Chiều rộng                         | 12 mm   |
| d1 - Đường kính ngoài vòng trong       | 57,2 mm |
| d2 - Đường kính gờ của vòng trong      | 55,3 mm |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 64,9 mm |

|                                             |                 |
|---------------------------------------------|-----------------|
| D2 - Đường kính trong vòng ngoài            | 68,5 mm         |
| a - Điểm ứng dụng tải trọng                 | 14,2 mm         |
| $\alpha$ - Góc tiếp xúc                     | 15 °            |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu            | 0,6 mm          |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu           | 0,3 mm          |
| Lớp chính xác                               | P42             |
| Trọng lượng                                 | 0,13 kg         |
| <b>HIỆU SUẤT SẢN PHẨM</b>                   |                 |
| C - Tải trọng động cơ bản danh định         | 21 kN           |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định        | 16,6 kN         |
| f0 - Hệ số                                  | 16.1            |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu        | 30700 tr/min    |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ         | 19200 tr/min    |
| Mức tải trước                               | GN              |
| Giá trị tải trước                           | 0,118 kN        |
| Độ cứng trục                                | 62,5 N/ $\mu$ m |
| Độ cứng xuyên tâm                           | 350 N/ $\mu$ m  |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu         | -20 °C          |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa            | 120 °C          |
| <b>GIỚI HẠN</b>                             |                 |
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 54,5 mm         |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 67,5 mm         |
| Db max - Đường kính vai tối đa OR           | 69,5 mm         |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 0,3 mm          |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 0,6 mm          |



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor